

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT, NĂM HỌC 2025 - 2026
Trường: TRƯỜNG THPT THỦY SƠN, THỦY NGUYỄN, Nguyễn vọng 1

Lần xét thứ: 1

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
1	320001	Bùi Thị Hải An	26/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.3	7.57			7	4.1	5.25	16.35
2	320002	Bùi Triệu An	21/11/2010	Nam	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS An Lư	22	7.7			5.5	4.25	7	16.75
3	320003	Hoàng Thiên An	03/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	22.5	7.59			7.25	4.35	7.25	18.85
4	320004	Lê Văn An	23/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.2	7.84			6.5	6	5.5	18
5	320005	Nguyễn Quốc An	21/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24.4	8.48			7.5	7	5.25	19.75
6	320006	Nguyễn Quốc Bảo An	15/08/2010	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	21.3	7.65			6.5	6	5.5	18
7	320007	Nguyễn Thùy An	23/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	20.5	7.88			7.75	5.25	4.5	17.5
8	320008	Phạm Trung An	02/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.1	7.48			6	5.1	6.5	17.6
9	320009	Trần Hoài An	23/12/2010	Nữ	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS An Lư	21.6	7.84			6.5	5.5	5.5	17.5
10	320010	Vũ Thanh An	01/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	19.4	6.69			7.5	6.25	4.75	18.5
11	320013	Cao Thị Phương Anh	28/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	22.5	7.9			7.5	5.75	5.25	18.5
12	320016	Đào Phương Anh	24/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	23.6	8.5			7.75	6.75	6.75	21.25
13	320017	Đào Phương Anh	22/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	23.8	8.59			7.5	6	7	20.5
14	320018	Đinh Thị Hà Anh	07/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lập Lễ	22.4	7.61			7	2.85	7	16.85
15	320020	Đồng Phương Anh	07/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.5	7.24			7	6.25	6.25	19.5
16	320021	Hà Trọng Tuấn Anh	16/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	19.9	7.36			7.25	7.5	4.5	19.25
17	320023	Hoàng Thị Vân Anh	15/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	23	7.74			8.75	7.35	4.75	20.85
18	320024	Lê Tạ Việt Anh	21/02/2010	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Trường THCS Thủy Đường	19.3	7.12			5.75	3.5	7.25	16.5
19	320025	Lê Tuấn Anh	16/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	20.6	7.29			6.75	5.75	6	18.5
20	320027	Mai Đức Anh	24/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	19.8	7.07			6.5	6.25	8.25	21
21	320028	Ngô Tuấn Anh	21/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.7	7.16			8	4.95	5.25	18.2
22	320031	Nguyễn Hoàng Anh	05/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	24.3	8.69			6.75	5.6	4.5	16.85
23	320033	Nguyễn Phạm Phương Anh	08/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	19.3	7.09			6.75	4.5	5.5	16.75
24	320034	Nguyễn Phạm Tuấn Anh	22/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tam Hưng	19.3	7.09			4.5	5.75	6.5	16.75
25	320035	Nguyễn Phương Anh	29/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.8	8.12			7.75	5.75	5	18.5
26	320037	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22.5	8.31			8.5	5.5	7.75	21.75

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	DTB V+T+NN	DTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
27	320039	Nguyễn Thị Thu Anh	13/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22.6	8.06			7	5.75	7.25	20
28	320040	Nguyễn Trang Anh	11/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Đại Bản	26.6	9.04			8.5	6.6	4.5	19.6
29	320041	Nguyễn Trần Duy Anh	17/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Ngũ Lão	20.2	7.01			5.25	4.1	7.25	16.6
30	320042	Nguyễn Trung Tuấn Anh	24/03/2010	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trường THCS Hoa Động	21.4	6.96			7.25	6.5	6.75	20.5
31	320043	Nguyễn Tuấn Anh	30/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	18.2	6.66			7.25	5.1	6.75	19.1
32	320044	Nguyễn Văn Anh	21/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.3	7.54			7	5.35	6	18.35
33	320045	Nguyễn Việt Anh	26/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.5	7.96			8.5	5.85	6.25	20.6
34	320046	Nguyễn Vũ Hải Anh	08/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	18.3	6.94			8	4.35	6.75	19.1
35	320048	Phạm Bảo Anh	20/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.8	7.69			6.5	5.75	4.5	16.75
36	320049	Phạm Duy Anh	28/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	21.7	7.65			6.75	6.75	6	19.5
37	320050	Phạm Duy Anh	04/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	19.2	7			8.25	5.75	3.25	17.25
38	320051	Phạm Thị Ngọc Anh	14/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	24.1	7.9			7.5	6.25	4.25	18
39	320053	Phạm Tuấn Anh	19/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	23.6	8.39			7.25	6	6.75	20
40	320054	Phùng Thị Quỳnh Anh	20/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	23.1	8.44			7	6.35	4.5	17.85
41	320056	Trần Hải Anh	25/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	25.7	8.19			7.75	6.75	7.75	22.25
42	320057	Trần Minh Anh	10/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	25	8.29			8.25	6.5	7.75	22.5
43	320058	Trần Nguyễn Ngọc Anh	03/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22	7.95			7.5	7.5	5.25	20.25
44	320062	Vũ Đức Anh	03/10/2010	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trường THCS An Lư	21.1	8.01			5.5	7.75	5	18.25
45	320065	Vũ Văn Anh	14/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	21.3	7.24			6.75	6.6	4.5	17.85
46	320066	Lê Hải Ánh	12/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	21	7.51			7	5.75	5.25	18
47	320067	Lê Ngọc Ánh	01/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hồng Bàng	22.6	8.29			8.75	7.25	4	20
48	320068	Lê Thị Ngọc Ánh	14/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	22.3	8.14			7	4.1	7	18.1
49	320078	Nguyễn Hữu Gia Bảo	30/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	21.9	7.79			5	6	5.75	16.75
50	320082	Nguyễn Sơn Bắc	31/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	21.7	7.81			6.25	6.5	5.5	18.25
51	320083	Nguyễn Xuân Bắc	20/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	21.9	7.44			6	6	6.5	18.5
52	320085	Lê Thị Ngọc Bích	08/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	23.7	8.25			8	5.75	7.25	21
53	320087	Lê Hữu Bình	01/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21	7.61			7.75	6.25	4.25	18.25
54	320089	Hoàng Thị Quỳnh Chang	29/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.1	7.69			6.75	5.5	4.75	17

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	DTB V+T+NN	DTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
55	320091	Bùi Thị Linh Chi	02/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.7	8.04			8	7	6.75	21.75
56	320092	Bùi Thị Quỳnh Chi	08/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	24.1	8.15			8.25	8	7.25	23.5
57	320093	Lê Thị Phương Chi	31/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	22.8	8.06			8.5	6.1	7	21.6
58	320094	Lê Thị Quỳnh Chi	31/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.7	7.18			6.5	5	7.75	19.25
59	320095	Nguyễn Khánh Chi	01/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	23.3	8.14			8.5	6.5	7.25	22.25
60	320096	Nguyễn Quỳnh Chi	07/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	19.1	7.15			7.25	4	5.5	16.75
61	320097	Nguyễn Thị Linh Chi	18/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	22.1	7.56			7.75	3.85	4.75	16.35
62	320102	Vũ Tiến Công	09/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	19.9	7.18			6	6.6	5.75	18.35
63	320103	Hoàng Thị Kim Cúc	01/02/2010	Nữ	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS Lập Lễ	22.8	7.76			7.25	5	4.25	16.5
64	320104	Phạm Hiếu Cường	31/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	24.2	7.89			6.75	6.25	7	20
65	320107	Phạm Hữu Cường	26/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	23.2	8.03			7.25	8.75	6.25	22.25
66	320108	Trần Quốc Cường	26/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	20.7	7.35			6.75	6.75	5	18.5
67	320109	Trần Trọng Cường	20/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	21.8	7.56			6.25	5.25	5.75	17.25
68	320112	Đào Ngọc Diệp	01/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.7	7.56			8.25	6.35	6.75	21.35
69	320113	Tạ Lê Ngọc Diệp	11/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.2	7.04			6.5	4.6	6.25	17.35
70	320114	Đào Thị Huyền Dịu	17/10/2010	Nữ	Tỉnh Nam Định	Trường THCS Hoa Động	21.9	7.65			7	4.5	5.5	17
71	320115	Phạm Thành Doanh	23/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	23.3	8.49			7.5	8.5	6.75	22.75
72	320117	Bùi Hoàng Dũng	28/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	20.8	7.25			6.75	6	5.75	18.5
73	320122	Nguyễn Văn Dũng	24/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	21.6	7.54			6.25	7	5.25	18.5
74	320123	Nguyễn Xuân Dũng	19/09/2010	Nam	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS Thủy Đường	22.2	7.69			7.75	5.1	6	18.85
75	320124	Trần Bá Mạnh Dũng	10/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	23.6	8.36			8.5	4.6	7.5	20.6
76	320126	Đào Trọng Duy	19/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.1	7.58			8	6.5	8.25	22.75
77	320128	Nguyễn Trí Duy	13/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.7	7.8			6	7	4.5	17.5
78	320129	Phạm Bảo Duy	30/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	17.2	6.56			6.75	4.6	5.5	16.85
79	320130	Trần Anh Duy	30/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	20.6	7.33			7.25	6.5	5.5	19.25
80	320133	Bùi Hà Dương	07/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	22	7.59			6	5	8.5	19.5
81	320134	Bùi Mẫn Tùng Dương	05/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	22.7	7.49			6.75	7.75	6	20.5
82	320135	Đàm Thị Thùy Dương	07/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	20.4	7.32			7	7	4.5	18.5

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
83	320137	Hoàng Phú Dương	21/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	18.4	6.21			3	6.25	9.25	18.5
84	320139	Nguyễn Bạch Dương	15/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	21.3	7.88			6	4.25	7.5	17.75
85	320140	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	30/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	22	7.95			6.75	6.25	6	19
86	320141	Nguyễn Thị Thuý Dương	30/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	21.6	7.31			8	3.85	4.5	16.35
87	320142	Nguyễn Thùy Dương	21/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Quán Toan	22.1	7.64			8	5.5	4.5	18
88	320143	Nguyễn Thùy Dương	08/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.9	7.41			6.75	5	6.5	18.25
89	320144	Nguyễn Văn Dương	13/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.4	8.09			6.5	6	4.75	17.25
90	320145	Phạm Thị Ánh Dương	25/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.9	7.41			7.25	6	4	17.25
91	320147	Kiều Đức Đại	27/07/2010	Nam	Tỉnh Hải Dương	Trường THCS Hòa Bình	22.7	7.64			7.25	8.75	5.5	21.5
92	320149	Nguyễn Mai Đan	28/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	20.8	7.49			7	3.75	7	17.75
93	320151	Bùi Vũ Thành Đạt	07/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	24.1	8.15			7.5	6.25	6	19.75
94	320152	Đỗ Quốc Đạt	02/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22.3	7.81			6.5	6.5	6.5	19.5
95	320154	Mạc Hoàng Tuấn Đạt	23/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	20.7	7.48			6.5	4.5	6.5	17.5
96	320155	Nguyễn Tiến Đạt	10/11/2010	Nam	Tỉnh Hưng Yên	Trường THCS Thiên Hương	21.1	7.48			6.75	5	7.25	19
97	320156	Nguyễn Văn Đạt	17/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.1	6.8			6	5.35	5.5	16.85
98	320157	Phùng Thành Đạt	19/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	21.3	7.76			6.25	5.25	5.25	16.75
99	320158	Trần Quang Đạt	27/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.5	8.23			7.25	7.75	4.25	19.25
100	320160	Bùi Trọng Đăng	08/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.3	7.46			7.25	6.5	6.75	20.5
101	320162	Phạm Khánh Đăng	26/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.1	6.85			6.75	4.95	6.75	18.45
102	320164	Trần Duy Đông	01/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	21.4	7.7			6.5	6.25	9	21.75
103	320165	Đào Trung Đức	04/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	24	7.68			7	7.75	7.75	22.5
104	320167	Tổng Văn Đức	29/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	21.8	7.79			6	7	7.75	20.75
105	320168	Trịnh Duy Đức	07/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.5	7.65			5.25	7.25	5	17.5
106	320169	Bùi Thị Hương Giang	02/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Minh Đức	20.8	7.38			8	5.85	4	17.85
107	320170	Hoàng Hà Giang	16/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	23.7	8.21			8.25	5	7.25	20.5
108	320171	Ngô Trường Giang	01/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22.2	7.58			5.75	7.25	4.5	17.5
109	320173	Nguyễn Minh Giang	22/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	23.1	8.6			8	5.85	4.5	18.35
110	320176	Trần Thị Giang	08/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	24.1	8.78			7.75	7.25	4	19

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
111	320177	Vũ Trà Giang	06/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	23	8.32			8.25	8.5	6	22.75
112	320178	Bùi Quang Giáp	05/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20	7.16			7	6.25	8.25	21.5
113	320181	Đàm Minh Hà	31/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.9	7.78			8.25	4.5	5.25	18
114	320182	Hoàng Hà	16/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	21.3	7.32			8.5	4.1	7.75	20.35
115	320183	Nguyễn Hải Hà	07/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	18.4	7.38			8	6	5	19
116	320185	Nguyễn Thị Ngọc Hà	03/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	21.8	7.76			8.5	6.5	6.25	21.25
117	320186	Vũ Khánh Hà	10/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	23.8	8.23			8.25	5.75	5.5	19.5
118	320187	Đồng Hoàng Hải	01/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22	7.38			7	6.1	7	20.1
119	320188	Lê Minh Hằng	19/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.5	8.19			8.25	4	4.75	17
120	320192	Hoàng Thị Bảo Hân	07/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	21.2	7.36			4.75	4.35	7.5	16.6
121	320193	Hoàng Thị Ngọc Hân	22/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	19.9	7.49			6.75	5.75	5	17.5
122	320194	Lê Ngọc Hân	28/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	23	8.26			6.5	4.6	6.25	17.35
123	320197	Trần Bảo Hân	07/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	24.8	8.65			8	6.25	6.25	20.5
124	320198	Nguyễn Thị Thu Hậu	31/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.4	7.9			7.75	5.5	4.5	17.75
125	320199	Trần Thị Thanh Hậu	06/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.1	8			7.5	5.25	3.75	16.5
126	320201	Đinh Thị Phương Hiền	31/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	20.5	7.11			7.25	6.6	4.75	18.6
127	320202	Nguyễn Ngọc Hiền	23/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	21.2	7.55			7.75	5.1	5	17.85
128	320203	Nguyễn Thị Thanh Hiền	11/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	19	7.21			7.25	5.75	4	17
129	320204	Nguyễn Thị Thanh Hiền	30/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.4	8.24			7.5	4.75	5	17.25
130	320209	Đào Trung Hiếu	04/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	24.1	7.46			6.75	6.1	8.75	21.6
131	320210	Đặng Văn Hiếu	28/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.8	7.95			6.5	6.25	4.25	17
132	320211	Đoàn Trung Hiếu	30/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Ngô Quyền	23.1	8.39			6	5	6.75	17.75
133	320212	Đồng Minh Hiếu	30/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	21.1	7.23			7.5	5.75	9	22.25
134	320214	Lê Minh Hiếu	02/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22.7	7.38			5.75	6.25	4.75	16.75
135	320215	Lê Trung Hiếu	24/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	24.1	8.68			8.25	5.5	5.75	19.5
136	320218	Nguyễn Văn Hiếu	30/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.9	7.73			6	7	4.75	17.75
137	320219	Nguyễn Văn Hiếu	21/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.7	8.13			6.75	6.5	4	17.25
138	320221	Trịnh Trung Hiếu	10/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	23.4	8.24			7	7.5	7.5	22

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
139	320225	Lê Thị Phương Hoa	07/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.6	8.2			6.5	6.75	5.25	18.5
140	320226	Bùi Minh Huy Hoàng	03/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	18	6.89			7.25	3.85	8.5	19.6
141	320227	Nguyễn Hữu Hoàng	30/10/2010	Nam	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	21.6	7.79			7.25	5.25	6	18.5
142	320228	Nguyễn Trần Đăng Hoàng	12/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	20	7.14			6.5	8.25	6.5	21.25
143	320229	Nguyễn Văn Hoàng	03/05/2009	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.7	7.68			7.5	4.5	5.75	17.75
144	320230	Phạm Đình Huy Hoàng	06/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	21.7	7.24			6	9	5.25	20.25
145	320233	Dương Văn Học	17/09/2008	Nam		Trường THCS Dương Quan	25.9	8.85			5	9	8.75	22.75
146	320234	Nguyễn Thị Thu Hồng	01/09/2009	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.7	8.11			7.75	5.5	6.5	19.75
147	320235	Phạm Thị Hồng	26/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	20.8	7.5			8	5.85	3.75	17.6
148	320236	Đoàn Minh Huệ	23/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.2	7.25			7.75	4.85	3.75	16.35
149	320237	Phùng Thị Minh Huệ	21/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lưu Kiếm	22.5	8			7	6.75	4.25	18
150	320239	Dương Ngô Quang Hùng	27/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Hồng	21.5	7.51			7.75	4.6	4.25	16.6
151	320243	Lê Quang Huy	11/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.5	6.69			6.5	4.85	9.75	21.1
152	320244	Nguyễn Minh Huy	15/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.9	7.21			7.5	4.6	8.25	20.35
153	320246	Tổng Gia Huy	14/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22.2	7.83			7.25	6.5	4.75	18.5
154	320247	Tổng Văn Huy	01/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	20.3	7.52			7	6.75	4.25	18
155	320249	Trần Gia Huy	18/10/2010	Nam	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS An Lư	25.1	8.39			6.5	8.5	6	21
156	320253	Trịnh Văn Huy	01/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22.9	7.6			6	7	5.25	18.25
157	320254	Đàm Thị Thanh Huyền	30/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	22.4	7.69			7.5	5.35	4.5	17.35
158	320255	Hoàng Thị Thanh Huyền	25/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	23.1	8			8.25	6.75	4.25	19.25
159	320256	Nguyễn Thị Huyền	25/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23	8.03			7	5.5	6	18.5
160	320257	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	21.5	7.66			7.25	6.75	6.5	20.5
161	320258	Phạm Khánh Huyền	04/03/2010	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	Trường THCS Hòa Bình	22.1	7.85			7	5.25	5	17.25
162	320261	Vũ Thị Thu Huyền	27/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	22.4	7.61			7	5.5	5.75	18.25
163	320264	Đồng Xuân Hưng	06/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	24.5	8.51			7.25	7.25	5.5	20
164	320265	Nguyễn Văn Hưng	12/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20.4	7.39			7	7.25	7.25	21.5
165	320266	Nguyễn Văn Hưng	11/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	23.1	7.63			7.5	7.75	9.5	24.75
166	320267	Trần Quốc Hưng	22/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.1	7.78			6.25	7	5	18.25

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
167	320268	Trần Thành Hưng	22/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22.3	7.41			7.25	6	7.5	20.75
168	320269	Đoàn Thị Mai Hương	05/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24.9	8.6			7.75	4.6	4.75	17.1
169	320270	Phạm Quỳnh Hương	21/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	22.4	8.09			8	4.75	6.75	19.5
170	320271	Trần Diệu Hương	21/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.8	8.21			8	6.85	7.5	22.35
171	320272	Trần Thị Thu Hương	05/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	23.5	8.49			8	3	5.75	16.75
172	320275	Phạm Thiên Đại Hữu	02/12/2009	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	23.5	8.24			7.75	8.5	7.25	23.5
173	320276	Nguyễn Quang Khá	13/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.3	7.89			6.5	7.25	7.25	21
174	320277	Đinh Bùi Phúc Khang	29/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	24.1	8.42			5	8.25	5.25	18.5
175	320278	Nguyễn Phú Khang	22/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22.2	8.21			7	7.5	6.25	20.75
176	320279	Phạm Phú Khang	05/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	24.3	8.41			7	6	5	18
177	320280	Nguyễn Thị Bảo Khanh	02/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	22.3	7.96			7.75	4.35	5.75	17.85
178	320281	Đào Thị Bảo Khánh	19/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	22.8	8.23			8.25	4.75	6	19
179	320282	Hoàng Nguyễn Duy Khánh	12/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	21.8	7.43			8.25	6.75	4	19
180	320283	Nguyễn Đăng Khánh	03/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	22.5	7.49			7.25	7.5	9.25	24
181	320288	Dương Anh Khoa	16/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Bạch Đằng	23.2	8.35			7.5	8.5	4.5	20.5
182	320289	Nguyễn Anh Khoa	19/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	21.3	7.06			7.5	7.75	4.5	19.75
183	320290	Nguyễn Văn Khoa	07/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	18.2	6.94			6.75	5.35	5	17.1
184	320293	Bùi Minh Khôi	13/06/2010	Nam	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS Thủy Đường	22.5	7.39			6.25	6.25	8.5	21
185	320294	Đàm Minh Khôi	06/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.6	7.35			6.75	4.75	5.25	16.75
186	320295	Hoàng Anh Khôi	18/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	19.4	7.07			5	5	7.25	17.25
187	320296	Nguyễn Đình Kiên	30/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.7	8.16			7	5.75	6.5	19.25
188	320297	Phạm Duy Kiên	17/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22.2	7.9			7.25	7.25	6.5	21
189	320298	Đào Anh Kiệt	09/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.6	8.07			7.75	5.6	7.5	20.85
190	320301	Đào Thị Diễm Kiều	07/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	21.7	7.88			7.5	5.25	6	18.75
191	320304	Nguyễn Ngọc Lan	23/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Quán Toan	23	8.19			8.25	5.5	7	20.75
192	320308	Bùi Quỳnh Lâm	20/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Ngũ Lão	21.7	7.45			7.5	5.75	5.25	18.5
193	320309	Bùi Vũ Tùng Lâm	26/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	21.5	7.38			5.75	5.35	6.5	17.6
194	320310	Lã Thanh Lâm	07/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.8	7.55			5.75	6.75	6.25	18.75

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	DTB V+T+NN	DTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
195	320311	Lê Bảo Lâm	28/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.9	8.43			6.75	5.25	7.25	19.25
196	320312	Lê Đình Lâm	07/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.2	7.85			5.75	6.75	5.75	18.25
197	320313	Lê Tùng Lâm	25/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	18.7	7.01			6.25	5.25	6.25	17.75
198	320314	Lý Thanh Lâm	13/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.9	8.14			7	4.25	6	17.25
199	320317	Nguyễn Thị Thanh Lâm	17/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.5	8.25			7	5.25	5.25	17.5
200	320318	Nguyễn Tùng Lâm	29/04/2010	Nam	Tỉnh Hải Dương	Trường THCS Hoa Động	20.8	6.85			6.25	4.25	6.5	17
201	320320	Phạm Hải Lâm	21/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	19.4	7.55			7.5	7	2.75	17.25
202	320321	Phạm Huy Lâm	23/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	19.7	6.91			7	6	4.5	17.5
203	320322	Phạm Khánh Lâm	12/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	19.7	7.24			6.5	6.25	5.25	18
204	320324	Trần Bảo Lâm	15/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21	7.57			6.25	7.75	3.5	17.5
205	320325	Trần Sơn Lâm	19/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.2	7.35			7	6.75	5	18.75
206	320326	Vũ Hoàng Lâm	14/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	20.7	6.91			6	6.75	5.5	18.25
207	320329	Bùi Phương Linh	23/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	23.9	8.54			7.5	5.75	6.25	19.5
208	320330	Bùi Thị Hà Linh	14/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22	7.86			6	6	7	19
209	320331	Đàm Gia Linh	07/09/2010	Nữ	Thành phố Hà Nội	Trường THCS Trần Phú	25.7	9.04			8	3.6	6.75	18.35
210	320332	Đào Phương Linh	30/08/2010	Nữ	Thành phố Hồ Chí Minh	Trường THCS Lập Lễ	20.3	7.21			5.75	6.5	4.5	16.75
211	320335	Hà Phương Linh	15/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	20.7	7.74			6.5	5.35	4.5	16.35
212	320337	Nguyễn Thị Diệu Linh	14/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	20	7.49			6.5	4.85	5	16.35
213	320340	Nguyễn Thị Phương Linh	02/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	17.8	6.88			6	5.1	6.25	17.35
214	320341	Nguyễn Thị Phương Linh	09/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20.6	7.54			7.75	4.35	6.5	18.6
215	320343	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	23.5	8.04			6.25	6	4.5	16.75
216	320344	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24.3	8.38			7.25	6.25	6.5	20
217	320347	Tài Thị Mai Linh	11/11/2009	Nữ	Tỉnh Sơn La	Trường THCS Thủy Đường	19.3	7.19	1		7	6.25	5	19.25
218	320349	Trần Thị Khánh Linh	16/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22	7.92			6.5	3.85	6	16.35
219	320350	Tạ Bích Loan	09/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	20.7	7.6			7.75	3.75	5.5	17
220	320353	Đỗ Duy Long	07/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	21.5	8.21			6.75	5.5	4	16.25
221	320354	Lê Hiếu Long	26/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tam Hưng	23.3	7.99			6.75	4.1	7.5	18.35
222	320355	Nguyễn Đình Long	15/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	21.4	7.51			7.5	7.75	6.75	22

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
223	320357	Nguyễn Trịnh Bảo Long	18/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.8	7.66			7.75	8	6.5	22.25
224	320358	Phạm Bảo Long	22/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.2	7.76			7.5	3.2	6.75	17.45
225	320360	Phạm Thành Long	20/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	THCS Ngô Gia Tự	20.6	7.24			6.75	4.75	5	16.5
226	320361	Trần Bá Tuấn Long	14/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.8	8.04			4.75	4.5	7.5	16.75
227	320362	Trần Hoàng Long	27/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	23.7	8.42			6.25	6	4.25	16.5
228	320363	Trần Hoàng Bảo Long	31/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	20.5	7.56			5.25	6	5.5	16.75
229	320364	Nguyễn Văn Luyện	23/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22.7	7.8			7.25	8	5.5	20.75
230	320369	Nguyễn Thị Khánh Ly	22/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Mỹ Đồng	21.4	7.45			5.25	6.5	6.75	18.5
231	320371	Bùi Nhật Mai	26/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Mỹ Đồng	24.3	8.56			7.25	4.35	7.5	19.1
232	320374	Nguyễn Thị Phương Mai	11/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.1	7.78			7.75	7	7	21.75
233	320375	Nguyễn Thùy Mai	01/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	21.9	8.06			7.75	6	6	19.75
234	320376	Bùi Duy Mạnh	13/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	22.2	7.85			7	5	6.75	18.75
235	320378	Lê Tiến Mạnh	22/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Hồng	22.6	8.15			7.25	3.35	5.75	16.35
236	320380	Trần Thị Ngọc Mẫn	25/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22.7	8.09			6.5	6.5	5.25	18.25
237	320381	Bùi Quang Minh	03/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	22.5	8.39			7.25	4.6	6.25	18.1
238	320382	Dương Nhật Minh	14/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	24.4	7.64			8.25	7.25	9.5	25
239	320383	Đặng Phương Minh	03/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	22.1	8.36			8.25	5	7.25	20.5
240	320384	Đỗ Xuân Nhật Minh	19/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	20.4	7.18			7.25	7.5	4.75	19.5
241	320388	Lê Văn Minh	14/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.7	6.91			7.5	5	8.5	21
242	320389	Lương Thị Bình Minh	25/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	21.6	7.79			7	5.85	4.75	17.6
243	320390	Nguyễn Cao Minh	29/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	21.9	7.88			7	4.25	8.75	20
244	320393	Phạm Tuấn Minh	22/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22.5	7.5			6.5	6.5	5.25	18.25
245	320394	Trần Khải Minh	10/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	23.2	8.16			5.5	7	4.25	16.75
246	320397	Bùi Trà My	08/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.4	7.63			7.5	5.6	4	17.1
247	320400	Nguyễn Vũ Hà My	09/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	24.2	8.15			8	6.5	10	24.5
248	320401	Phạm Hà My	29/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.1	7.99			6.25	5.85	6	18.1
249	320403	Vũ Hà My	05/09/2010	Nữ	Tỉnh Điện Biên	Trường THCS Thủy Đường	21.7	7.99			6.75	6.1	7.25	20.1
250	320404	Bùi Đức Nam	14/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	20.8	7.4			6.25	6.75	4	17

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm U'T	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
251	320405	Chu Hải Nam	15/01/2010	Nam	Tỉnh Thái Bình	Trường THCS Thiên Hương	23	7.56			6	7.5	6	19.5
252	320406	Đinh Văn Nam	04/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	18	6.85			5.5	4.35	6.5	16.35
253	320409	Nguyễn Văn Nam	06/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.9	6.68			6.75	8.5	5.25	20.5
254	320410	Nguyễn Xuân Nam	24/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.9	7.76			7.75	7.5	8.25	23.5
255	320411	Phạm Hải Nam	13/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	23.8	8.59			7.75	5.25	5.75	18.75
256	320412	Phạm Thành Nam	04/06/2010	Nam	Tỉnh Nam Định	Trường THCS Hoa Động	23.2	8.31			7.75	5.5	8	21.25
257	320413	Phạm Thành Nam	08/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.6	7.54			6.5	6.75	4.75	18
258	320414	Trần Bảo Nam	08/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Bạch Đằng	23.4	8.44			6.5	8.25	5	19.75
259	320415	Trần Hải Nam	07/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	24.2	8.43			8	8	5.5	21.5
260	320416	Trần Thuý Nga	26/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22	8.06			7.25	5	5.25	17.5
261	320417	Bùi Thị Thu Ngân	10/04/2010	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Trường THCS Tân Dương	21.1	7.84			7.25	6.1	6.5	19.85
262	320418	Đàm Kim Ngân	22/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	24.1	8.31			8.5	5.1	8.5	22.1
263	320419	Hà Thị Kim Ngân	17/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	21.8	8.33			8	8.5	7	23.5
264	320421	Lý Thị Kim Ngân	21/11/2010	Nữ	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS An Lư	22.6	8.32			7	6.75	2.75	16.5
265	320424	Nguyễn Thị Mai Ngân	23/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.6	7.15			7	4.35	5.25	16.6
266	320426	Trần Thị Hoàng Ngân	27/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.1	8.1			7.25	6.25	5.25	18.75
267	320428	Bùi Lê Hiếu Nghĩa	05/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.6	8.06			5.75	5.75	5.75	17.25
268	320430	Đặng Quang Nghĩa	17/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	23.2	8.49			6.25	5.5	5.5	17.25
269	320432	Đoàn Thị Bích Ngọc	11/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	20.5	7.25			8.25	3.6	5	16.85
270	320433	Đỗ Minh Ngọc	11/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	21.5	7.21			7	6	7	20
271	320435	Lê Như Ngọc	01/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Hồng	22.7	8.01			7	5.1	6	18.1
272	320436	Lê Thị Hồng Ngọc	31/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Hồng	24.9	8.54			8	4	7	19
273	320437	Lê Thị Minh Ngọc	02/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.2	7.78			7.25	4.1	6.75	18.1
274	320438	Lê Thị Vy Ngọc	25/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.1	7.73			7.75	4.75	5.25	17.75
275	320439	Nguyễn Bảo Ngọc	25/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Liên Khê	22.4	7.56			6.75	5.5	6	18.25
276	320440	Nguyễn Bảo Ngọc	06/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Mỹ Đồng	18.2	6.91			6.25	5.5	4.75	16.5
277	320441	Nguyễn Thanh Ngọc	20/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	23	8.38			7.75	5.75	8	21.5
278	320444	Nguyễn Thị Minh Ngọc	14/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.8	7.36			6	4.1	8.5	18.6

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
279	320445	Nguyễn Thị Minh Ngọc	08/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.7	8.25			6.75	6	4	16.75
280	320446	Nguyễn Thị Như Ngọc	29/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24.7	8.51			8	6.25	5.5	19.75
281	320447	Nguyễn Thị Như Ngọc	19/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.4	7.25			7.75	6.75	5.5	20
282	320449	Phạm Thị Ngọc	25/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	21.4	7.7			7	4.1	6.75	17.85
283	320450	Phạm Thị Mỹ Ngọc	10/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	24	8.43			8.75	7.25	4.75	20.75
284	320451	Trần Khánh Ngọc	28/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	23.4	8.13			7.25	4	7.5	18.75
285	320456	Vũ Đình Ngọc	14/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	20.5	7.37			5.75	5.1	6	16.85
286	320458	Đào Hoàng Nguyên	21/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.1	6.92			5.75	5.25	9.25	20.25
287	320460	Nguyễn Lê Nguyên	04/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	24.8	8.5			7.75	6.5	6	20.25
288	320462	Bùi Thị Thanh Nhân	02/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	20.4	7.48			6.25	5.25	6.25	17.75
289	320463	Trần Thanh Nhân	28/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	20	7.33			6.25	6.25	5.25	17.75
290	320465	Đình Thành Nhật	07/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	18	6.7			7.25	5.5	5.25	18
291	320467	Đồng Yến Nhi	01/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	22.7	7.89			8.75	5.1	3.5	17.35
292	320468	Hoàng Yến Nhi	31/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	18.2	7.14			6.5	6.25	5.75	18.5
293	320469	Lê Ngọc Nhi	05/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	24.2	8			7.5	7.5	6	21
294	320470	Lê Thị Nhi	15/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	22.7	8.16			7.5	4.95	5.25	17.7
295	320471	Lê Trần Đông Nhi	18/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	21.1	7.49			6.5	4.85	5.25	16.6
296	320472	Lê Yến Nhi	09/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	23.2	8			8	5.35	9.25	22.6
297	320473	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	16/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	22.3	8.36			8	7.25	4.5	19.75
298	320474	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	20/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	20	7.59			7.25	6.5	3.25	17
299	320475	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/06/2010	Nữ	Tỉnh Hải Dương	Trường THCS Lâm Động	20.4	7.66			7.75	5	4.5	17.25
300	320476	Nguyễn Trịnh Yến Nhi	01/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	24.7	8.69			8.25	4.1	6.25	18.6
301	320478	Phạm Thị Tuyết Nhi	27/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	21.5	7.64			7.25	3.75	5.75	16.75
302	320479	Phạm Yến Nhi	28/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.2	8			7.5	6	5.5	19
303	320480	Trần Thị Yến Nhi	28/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	24.8	8.44			7.5	5	8	20.5
304	320483	Hoàng Thị Hồng Nhung	02/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.1	7.41			7	7.5	5.75	20.25
305	320484	Nguyễn Thị Nhung	08/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	23.2	7.69			6.5	6.25	7.5	20.25
306	320486	Phạm Thanh Nhung	22/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	23	8.14			7.5	6.75	7.75	22

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
307	320488	Đàm Thị Uyên Như	03/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21	7.08			6.75	4.85	4.75	16.35
308	320489	Nguyễn Thị Tâm Như	01/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.5	7.54			6	5.1	6.25	17.35
309	320491	Nguyễn Thị Lâm Oanh	04/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22.1	7.19			7.75	4.5	6.75	19
310	320493	Bùi Văn Phong	03/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.1	7.2			6.75	4.35	6.25	17.35
311	320494	Đào Phạm Thanh Phong	30/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.6	7.56			7	3.7	6	16.7
312	320495	Đặng Nguyễn Gia Phong	09/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	19.4	7.18			7.75	4	5.75	17.5
313	320496	Lê Công Phong	26/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	25.1	8.55			7.75	6.5	9	23.25
314	320497	Lê Hữu Phong	26/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.6	7.06			7	6.75	8.25	22
315	320498	Lê Tam Phong	03/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	19.8	7.01			8.25	5.25	3.75	17.25
316	320499	Lê Trần Anh Phong	09/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.3	7.88			8	7	5.75	20.75
317	320501	Nguyễn Đồng Phong	27/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.1	7.55			7.5	6.75	4.5	18.75
318	320502	Nguyễn Quốc Phong	19/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	19.5	6.94			4	6.75	6.5	17.25
319	320503	Nguyễn Văn Phong	09/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.2	7.09			7.75	6.25	5.75	19.75
320	320504	Nguyễn Văn Phong	31/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	19.4	6.11			7	7.25	2.75	17
321	320506	Phạm Nam Phong	24/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	19.9	6.74			6.25	5.25	5.75	17.25
322	320507	Trần Văn Phong	25/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	24.3	8.17			7	6	7.75	20.75
323	320508	Bùi Đức Phú	02/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24	8.04			6	7.25	4.75	18
324	320510	Nguyễn Hữu Phú	07/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24.3	8.24			6.75	7.5	6.75	21
325	320511	Phạm An Phú	09/04/2010	Nam	Thành phố Hà Nội	Trường THCS Hòa Bình	19.3	6.89			6	6.25	5	17.25
326	320512	Phạm Đình Phú	25/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.3	8			6.25	5.1	5.5	16.85
327	320513	Lê Đình Phúc	12/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.9	7.88			6.5	4.35	6.75	17.6
328	320515	Nguyễn Duy Phúc	30/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	22.4	7.88			6.25	3.6	8.25	18.1
329	320516	Nguyễn Gia Phúc	17/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	19.2	7.08			7.25	6.5	4.25	18
330	320519	Bùi Khánh Phương	22/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22.1	7.7			8.25	4.95	6.5	19.7
331	320522	Đào Thu Phương	03/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.7	8.1			8	5.5	6.25	19.75
332	320523	Hoàng Thị Minh Phương	16/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	22.5	7.75			7.25	7	5.25	19.5
333	320524	Lê Thị Minh Phương	28/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	19.5	7.48			7.5	4.25	6	17.75
334	320525	Lê Thị Minh Phương	28/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22.6	8.2			7.75	3.6	7	18.35

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm U.T	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
335	320526	Lưu Thị Hà Phương	06/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22.3	7.74			7.5	5.75	5.75	19
336	320527	Nguyễn Mai Phương	09/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	23.5	7.99			8.25	3.35	6	17.6
337	320528	Nguyễn Thị Thanh Phương	08/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24.4	8.4			8	6	6.25	20.25
338	320529	Trần Hà Phương	29/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.4	7.96			7.5	7.25	5	19.75
339	320530	Trần Thị Lan Phương	23/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24	8.29			8.5	5.35	4.5	18.35
340	320531	Vũ Thị Thanh Phương	05/01/2010	Nữ	Thành phố Hà Nội	Trường THCS An Lư	27	8.69			9.5	8	9.75	27.25
341	320532	Nguyễn Đăng Quang	17/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	20.7	7.4			8.25	6.5	6	20.75
342	320533	Nguyễn Đức Quang	01/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	22.1	7.93			6.25	4.85	5.75	16.85
343	320534	Đồng Minh Quân	30/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	19.8	6.84			6.25	5.25	6	17.5
344	320535	Lê Minh Quân	15/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	19.2	7.14			8	5.75	3.75	17.5
345	320536	Nguyễn Anh Quân	04/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.7	7.61			8	6.25	6.5	20.75
346	320537	Nguyễn Ngọc Tùng Quân	07/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	22.5	7.73			8	6.25	7	21.25
347	320540	Trần Minh Quân	29/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20	6.84			7.5	4	6	17.5
348	320542	Vũ Minh Quân	18/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	19.7	7.15			7.25	6.5	5.5	19.25
349	320544	Đặng Xuân Quý	18/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	18.8	6.74			7.25	5.75	4.25	17.25
350	320545	Nguyễn Thế Quý	29/11/2009	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	Trường THCS Lâm Động	23.2	7.88			8.25	6	8.25	22.5
351	320546	Trịnh Văn Quý	04/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	21	7.6			7.5	6	3.75	17.25
352	320547	Bùi Thị Tú Quyền	07/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	20.7	7.59			7.25	5.6	5	17.85
353	320549	Lê Đức Quyền	18/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.4	8.16			7.25	6.25	4.5	18
354	320551	Phạm Đức Quyền	06/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.3	7.58			8.25	5.5	5.5	19.25
355	320552	Vũ Hồng Quyền	13/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	19.5	7.01			6.75	6.75	4.5	18
356	320553	Đàm Thu Quỳnh	19/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	20.6	7.78			8.25	4.35	4	16.6
357	320554	Nguyễn Thị Như Quỳnh	23/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24.8	8.31			8.25	3.85	4.25	16.35
358	320556	Trần Như Quỳnh	14/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22	7.94			6.75	4.5	7.5	18.75
359	320559	Bùi Thanh Sang	28/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Minh Đức	19.1	7.23			7.5	6.5	4.75	18.75
360	320560	Hà Kỳ Sang	18/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	20.5	7.34			7	7	5.25	19.25
361	320561	Đoàn Thái Sơn	30/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	20.6	7.25			7.5	5.5	4.75	17.75
362	320562	Nguyễn Hoàng Sơn	27/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.1	6.94			7	5	6.25	18.25

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
363	320563	Nguyễn Thế Sơn	12/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20.5	7.01			5.5	6.6	7	19.1
364	320564	Nguyễn Trịnh Sơn	28/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	22.2	7.75			6.75	5.5	4.5	16.75
365	320565	Trần Văn Sơn	25/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22.4	7.73			7	7.1	5.25	19.35
366	320566	Đinh Phúc Tài	22/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lập Lễ	22	7.68			5	6.5	7	18.5
367	320567	Đỗ Tiến Tài	17/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24.6	8.26			7.5	6.35	6.25	20.1
368	320569	Nguyễn Vũ Tú Tâm	08/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	22.8	8.13			7.25	5.6	5.75	18.6
369	320570	Phạm Thị Thanh Tâm	04/06/2010	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	Trường THCS Thủy Đường	23.9	8.3			7.25	7.25	7.75	22.25
370	320573	Huỳnh Văn Thái	10/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	19.8	7.31			7.75	7.5	2.25	17.5
371	320574	Lê Duy Thái	13/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	25.5	8.82			8.75	7.5	9.25	25.5
372	320575	Lê Minh Thái	12/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24	8.39			7.25	5.85	6	19.1
373	320576	Phạm Duy Thái	19/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Bạch Đằng	21.9	7.85			8.5	6.35	2.75	17.6
374	320577	Bùi Thị Thanh	02/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	19.3	7.35			7.5	5.75	6.25	19.5
375	320578	Bùi Xuân Thanh	14/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	22.8	7.98			7.75	5.1	6.75	19.6
376	320579	Đặng Huy Thanh	07/09/2010	Nam	Tỉnh Nam Định	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.2	8.04			7.5	5	8.75	21.25
377	320582	Nguyễn Văn Thành	21/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.1	7.79			6	4.6	5.75	16.35
378	320584	Bùi Thị Thảo	30/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	23.6	7.93			8	7.25	5.5	20.75
379	320585	Bùi Thị Phương Thảo	26/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24.4	8.2			7.5	5	5.75	18.25
380	320586	Cao Thị Thanh Thảo	03/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	18.9	7.01			7.25	5.25	5.75	18.25
381	320587	Đồng Thị Thảo	01/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	24.4	8.54			7.75	8	6.75	22.5
382	320590	Nguyễn Phương Thảo	17/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.2	7.8			7	6.5	4.25	17.75
383	320591	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24.6	8.46			7	7.25	6.5	20.75
384	320592	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	22.3	7.91			6.75	5.75	7.25	19.75
385	320595	Phạm Thị Phương Thảo	18/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	22.4	7.9			6.75	6.25	6	19
386	320596	Trần Thị Thanh Thảo	05/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	21.5	7.68			6.75	5.1	6.25	18.1
387	320599	Đỗ Đức Thắng	15/03/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	25	8.54			6.75	6.5	8.5	21.75
388	320601	Nguyễn Nghệ Thắng	17/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24.9	8.24			5.75	8	5.5	19.25
389	320605	Hoàng Gia Thiều	17/07/2010	Nam	Tỉnh Ninh Bình	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24.7	8.15			7.5	7.25	6.5	21.25
390	320611	Nguyễn Thị Kim Thoa	24/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	19.7	7.21			7.5	3.85	6	17.35

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
391	320612	Tô Anh Thơ	22/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.9	7.35			6.75	5.5	6.25	18.5
392	320613	Vũ Thị Anh Thơ	13/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.7	7.93			5.75	5.75	5	16.5
393	320614	Lê Thị Thơm	08/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.9	7.86			7	4.95	6.5	18.45
394	320618	Đào Thị Minh Thuận	03/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	22.8	8.09			7.25	5.5	7.25	20
395	320619	Đào Văn Thuận	24/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	22.5	8.08			8.5	6.25	6	20.75
396	320620	Nguyễn Nam Thuận	22/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.2	7.33			6.75	4.75	6.5	18
397	320621	Trần Minh Thuận	20/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.6	8.11			7.75	5.35	5.5	18.6
398	320623	Trần Thị Thu Thủy	11/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.9	8.21			6.75	5.25	6	18
399	320624	Đỗ Thị Thanh Thủy	23/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	24.3	8.11			7	6.5	6.25	19.75
400	320625	Nguyễn Thị Thủy	03/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	19.2	7.21			7.75	5.6	5.5	18.85
401	320627	Nguyễn Thị Thanh Thủy	09/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiên Bái	20.6	7.49			8.25	5.35	4.75	18.35
402	320628	Nguyễn Thị Thanh Thủy	14/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.2	7.79			8	5	5.5	18.5
403	320629	Đoàn Thị Phương Thủy	16/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.4	7.6			7.25	5.25	5.75	18.25
404	320630	Lê Phương Thúy	08/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tam Hưng	21.7	7.4			7.5	4.6	8.5	20.6
405	320631	Bùi Thị Anh Thư	08/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	23.8	8.01			8	5.75	7	20.75
406	320633	Đàm Thị Anh Thư	24/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22.8	7.94			8.25	4.5	5.75	18.5
407	320634	Đào Thị Minh Thư	05/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thùy Đường	22.6	8.3			8.25	6.5	7.25	22
408	320635	Nguyễn Anh Thư	27/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	23.2	7.85			7.5	4.75	8.25	20.5
409	320637	Nguyễn Đỗ Khánh Thư	28/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thùy Đường	20.4	7.3			6.75	5.5	5.25	17.5
410	320638	Nguyễn Thị Anh Thư	29/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24.3	8.2			8	4.85	5.75	18.6
411	320639	Nguyễn Thị Minh Thư	16/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.6	7.86			8	4.5	7	19.5
412	320641	Nguyễn Yêu Thương	12/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.8	7.95			8.75	4	5.25	18
413	320642	Đỗ Ngọc Bảo Thy	10/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22.9	8.61			7.75	3.35	6.5	17.6
414	320643	Đoàn Trần Thủy Tiên	26/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Ngũ Lão	24	8.01			7.5	4.35	4.75	16.6
415	320645	Nguyễn Việt Tiến	13/11/2010	Nam	Tỉnh Nam Định	Trường THCS Thiên Hương	20.9	7.24			4.25	8	5	17.25
416	320646	Bùi Thị Tinh	05/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	19.6	7.09			7.75	5.25	5.25	18.25
417	320647	Nguyễn Đồng Song Toàn	08/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.1	7.64			6	6.75	5.25	18
418	320649	Nguyễn Thị Trà	14/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24.2	8.23			7.25	6	6.25	19.5

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
419	320650	Bạch Thu Trang	05/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	24.7	8.49			7.5	7.75	8	23.25
420	320651	Đồng Thị Yến Trang	19/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	24.7	8.26			7	7	9	23
421	320653	Hoàng Vân Trang	01/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.5	8.14			8.25	6	5	19.25
422	320655	Lê Thị Thu Trang	23/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.6	7.75			6.75	4.1	5.5	16.35
423	320656	Ngô Thùy Trang	19/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.9	7.74			7.25	4.85	5.25	17.35
424	320657	Nguyễn Kiều Trang	01/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	23.5	8.31			6	3.25	8.75	18
425	320659	Nguyễn Thị Bảo Trang	28/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20.5	7.54			7.75	6.25	6.75	20.75
426	320660	Nguyễn Thị Thu Trang	13/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.4	8.04			7	6.35	6.75	20.1
427	320661	Nguyễn Thu Trang	14/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22.3	7.7			6.25	6.75	6.25	19.25
428	320662	Phạm Thị Bảo Trang	25/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22.5	7.36			7.5	7.75	4.75	20
429	320663	Phạm Thị Mai Trang	25/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	24.7	8.35			8	4.45	5	17.45
430	320664	Vũ Huyền Trang	01/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	23.5	8.39			7.5	6.5	7	21
431	320666	Vũ Thị Doan Trang	31/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	25.2	8.48			7	5.75	6.75	19.5
432	320667	Bùi Lê Bảo Trân	29/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	24.8	8.09			8.25	5.5	7.75	21.5
433	320668	Nguyễn Bảo Trân	04/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.5	8.06			7	4.25	6.25	17.5
434	320669	Đồng Minh Trí	08/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21	7.43			6.5	6.25	6.75	19.5
435	320673	Đỗ Nam Triệu	04/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.7	8.13			7	7.5	4.75	19.25
436	320674	Trần Thị Ngọc Trinh	13/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	23.3	8.42			6.75	7.75	4.5	19
437	320675	Hoàng Phú Trọng	11/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.7	7.68			5.75	7.25	3.75	16.75
438	320676	Nguyễn Văn Trọng	04/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	23.9	7.9			6.5	5.75	9.25	21.5
439	320677	Trần Phú Trọng	02/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.8	8.25			6.5	7.5	4.75	18.75
440	320678	Vũ Văn Phú Trọng	14/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	23	7.55			7	6.5	7.25	20.75
441	320680	Hoàng Vũ Mai Trúc	10/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21	7.98			6.75	6	6.75	19.5
442	320682	Trần Thanh Trúc	21/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24	8.44			7.5	6.25	6.5	20.25
443	320683	Trần Thị Thanh Trúc	10/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.4	8.06	1		6	5.35	4	16.35
444	320686	Lê Bá Trung	30/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	19.7	7.58			7	4.35	7	18.35
445	320687	Nguyễn Xuân Trung	09/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	22.4	7.28			7.75	6	5.25	19
446	320689	Trần Trung	25/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Vĩnh Niệm	20	7.88			8.25	7	6.5	21.75

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm U.T	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
447	320690	Vũ Thành Trung	27/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	22.1	7.29			6.75	5.75	5.25	17.75
448	320691	Hoàng Phú Trường	17/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	22.7	8			6.75	8.25	6.5	21.5
449	320692	Lê Văn Trường	28/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22.6	7.39			6.5	6.25	6.25	19
450	320696	Trần Văn Trường	16/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.4	7.76			7	5.75	5.5	18.25
451	320699	Phạm Minh Tú	15/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	23.8	8.36			7	7	6.5	20.5
452	320701	Vũ Anh Tú	15/06/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	22.8	7.8			5.25	5	7.25	17.5
453	320705	Hoàng Anh Tuấn	31/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	23	7.78			8.25	5.75	5.75	19.75
454	320707	Nguyễn Hữu Tuấn	31/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.4	7.2			6.75	5.75	4.5	17
455	320708	Phạm Ngọc Tuấn	02/01/2010	Nam	Tỉnh Thái Bình	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.6	7.99			6.75	6.75	5.75	19.25
456	320709	Trần Anh Tuấn	09/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23	7.7			6.5	6.75	5.5	18.75
457	320710	Vũ Anh Tuấn	25/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	22	7.61			6.75	4	8.25	19
458	320711	Nguyễn Minh Tuệ	16/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.9	7.61			6	6.75	7.5	20.25
459	320712	Bùi Thanh Tùng	31/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	23.4	7.69			6.25	5.75	5.5	17.5
460	320714	Trịnh Phong Tùng	15/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	20.4	7.61			4.25	7.5	6.75	18.5
461	320716	Đỗ Ngọc Tuyết	23/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	24.6	8.61			5.75	6.75	8.5	21
462	320721	Trịnh Văn Tường	22/04/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	21.8	7.66			7.25	7.75	6	21
463	320722	Đồng Đức Uy	18/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	20.7	7.3			5.75	5.75	5.75	17.25
464	320723	Bùi Tú Uyên	23/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.3	7.68			6.75	4.75	5	16.5
465	320724	Mạc Tú Uyên	12/11/2010	Nữ	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS Lê Ích Mộc	21.1	7.66			7.5	3.85	5.75	17.1
466	320727	Trần Cao Văn	09/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	21.3	7.92			6	6	7.5	19.5
467	320728	Bùi Thanh Vân	02/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	20.2	7.46			7.5	4.85	5.75	18.1
468	320729	Bùi Thị Cẩm Vân	09/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.4	7.66			7.25	4.45	6.5	18.2
469	320732	Lê Thị Hải Vân	27/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	20.2	7.74			6.5	6.75	5.5	18.75
470	320734	Nguyễn Thị Thanh Vân	27/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	21.2	7.73			6.25	5.5	6.5	18.25
471	320735	Nguyễn Thị Thanh Vân	04/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.6	7.45			8.25	5.25	5.75	19.25
472	320736	Phạm Thị Vân	02/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	19.8	7.14			6.91	4.5	5	16.41
473	320737	Đỗ Ngọc Tường Vi	21/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	23.5	7.85			6.75	4.75	6	17.5
474	320738	Nguyễn Thị Thảo Vi	26/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Dương Quan	21.5	7.4			7	6.25	4	17.25

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
475	320739	Nguyễn Thị Tường Vi	09/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	20.6	7.44			6.75	5.5	5.75	18
476	320741	Đào Duy Việt	27/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	23.4	8.19			7.75	4.1	7.5	19.35
477	320742	Đoàn Quốc Việt	25/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	22.7	7.94			6	5.35	5	16.35
478	320743	Nguyễn Đức Việt	24/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	21.9	7.68			7.5	7	5.25	19.75
479	320744	Trần Nam Việt	06/11/2010	Nam	Tỉnh Quảng Ninh	Trường THCS An Lư	21	7.49			7.5	4.6	6.75	18.85
480	320745	Bùi Ngọc Vinh	05/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.7	7.2			6.75	5.1	4.75	16.6
481	320746	Đào Hữu Vinh	24/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20.1	7.6			7.5	6	8.25	21.75
482	320748	Nguyễn Bùi Thế Vinh	11/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	21.7	7.93			7	6.5	5.25	18.75
483	320749	Nguyễn Gia Vinh	17/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	19.8	7.2			7.25	5.25	4.5	17
484	320750	Phạm Quốc Vình	06/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	24.3	8.15			8.25	7.75	8.75	24.75
485	320751	Đinh Thiên Vũ	24/09/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	22.8	7.9			6	8.25	8.5	22.75
486	320752	Đồng Huy Vũ	12/10/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	21.4	6.9			6.25	5.5	8.25	20
487	320753	Hoàng Văn Vũ	15/08/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	22.2	8.1			7	8.25	6.75	22
488	320754	Nguyễn Đức Chấn Vũ	03/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	21.1	7.38			6.75	8.25	7.75	22.75
489	320755	Phạm Khánh Vũ	27/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	22.8	7.66			6	4.25	6.25	16.5
490	320757	Vũ Phương Vũ	13/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	23.3	7.91			6.75	6.75	9	22.5
491	320758	Nguyễn Thái Vương	19/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lâm Động	19.7	7.21			7	5.6	5.5	18.1
492	320759	Phạm Thành Vương	15/12/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	23.7	8.26			5	6.25	9.75	21
493	320761	Bùi Đỗ Tường Vy	05/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	24.3	8.67			8	5.35	7.5	20.85
494	320763	Bùi Thị Khánh Vy	10/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	23.4	7.94			7.75	6.1	7	20.85
495	320764	Đồng Tú Vy	30/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Lê Ích Mộc	18.1	7.21			7.5	4.5	5	17
496	320765	Hoàng Phương Vy	20/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	22	7.79			7	6.5	7.75	21.25
497	320766	Lê Thảo Vy	27/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	23.6	8.42			7	4.75	7.25	19
498	320767	Mai Phương Vy	14/06/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tân Dương	23.3	8.23			7.5	4.75	7.5	19.75
499	320768	Nguyễn Phương Vy	24/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20.5	7.54			6.5	5.6	7.25	19.35
500	320769	Nguyễn Thị Vy	19/04/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiển Bái	20.8	7.69			8.25	6.5	5.25	20
501	320773	Trần Ngọc Thảo Vy	19/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	21.3	7.81			7.5	6	8.5	22
502	320774	Trần Thảo Vy	02/07/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	19.8	7.21			6.5	5.75	6	18.25

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
503	320775	Vũ Thị Khánh Vy	19/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Hưng Đạo	24.6	7.99			8.75	6.25	7.75	22.75
504	320778	Nguyễn Thị Thanh Xuân	30/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Kiền Bái	20.4	7.54			8.25	5.1	6.5	19.85
505	320779	Trịnh Văn Y	12/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hòa Bình	21.9	7.74			7.5	5.5	5.75	18.75
506	320781	Bùi Thị Yến	31/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Lư	24.1	8.57			6.75	8	7.5	22.25
507	320782	Bùi Thị Hải Yến	20/08/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	20.7	7.33			6.25	6.25	5.75	18.25
508	320785	Nguyễn Hải Yến	01/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	23.7	8.16			7.25	6.5	4.75	18.5
509	320787	Phạm Hải Yến	20/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Mỹ Đồng	22.6	8.21			7.75	6.35	5.75	19.85
510	320788	Vũ Thị Yến	23/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoàng Động	23.4	8.24			7	5.5	4.75	17.25

Danh sách gồm: 510 thí sinh, trong đó:

.....Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển;

.....Thí sinh đủ không đủ điều kiện trúng tuyển;

.....Thí sinh hồ sơ không hợp lệ, cần kiểm tra lại;

Hải Phòng, ngày 27 tháng 06 năm 2025

KT, GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Dinh Minh Tuấn

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT, NĂM HỌC 2025 - 2026
Trường: TRƯỜNG THPT THỦY SƠN, THỦY NGUYỄN, Nguyễn vọng 2

Lần xét thứ: 1

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	ĐTB V+T+NN	ĐTB lớp 9	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi			Điểm xét tuyển
											Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	
1	010450	Vũ Quỳnh Hương	07/12/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS An Đồng	24.2	8.73			6	6	7	19
2	100113	Lê Chí Công	21/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Bạch Đằng	25.2	8.74			6.75	8	6.25	21
3	100162	Nguyễn Hoàng Thành Đạt	13/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	THCS Ngô Gia Tự	22.6	7.64			7	4.75	7.75	19.5
4	100211	Phạm Thanh Hải	01/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	THCS Ngô Gia Tự	18.6	6.87			6.75	6.25	7	20
5	100309	Nguyễn Minh Khôi	13/05/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Ngô Quyền	25.7	8.86			7.5	6	6.5	20
6	100346	Đỗ Phương Linh	13/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	THCS Ngô Gia Tự	24.7	8.73			9	4.6	4.75	18.35
7	100516	Phạm Hoàng Nam Phong	21/11/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	THCS Ngô Gia Tự	24.7	8.63			8	6.75	6.25	21
8	100582	Đinh Hương Thảo	20/11/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hoa Động	26	8.91			8.25	6.75	6.25	21.25
9	100657	Trần Mạnh Tuấn	24/02/2010	Nam	Tỉnh Hải Dương	THCS Ngô Gia Tự	27.5	9.29			8.5	6.5	4.75	19.75
10	100676	Nguyễn Cát Tường Vi	01/10/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Bạch Đằng	21.6	8.3			8	6.5	6.5	21
11	100700	Vũ Hà Vy	06/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	THCS Ngô Gia Tự	21.2	7.71			7	7.5	5.25	19.75
12	140089	Vũ Hà Anh	09/02/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Tô Hiệu	22.9	8.57			7	5.5	6.25	18.75
13	140436	Nguyễn Mai Linh	17/05/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hồng Bàng	21.3	7.69			7.75	5	6.75	19.5
14	140723	Nguyễn Trần Đức Thịnh	28/02/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Hùng Vương	24.7	8.86			7.75	5.85	5	18.6
15	150276	Lê Ngọc Khanh	02/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Phú	25.1	9.1			7.75	5.5	6.25	19.5
16	150603	Lê Huyền Trang	06/01/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Trần Văn Ôn	26.3	8.96			7	6.75	7.75	21.5
17	180485	Nguyễn Phương Nhung	27/09/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thủy Đường	22.4	7.79			7	5.75	5.75	18.5
18	180629	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/03/2010	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Thiên Hương	25.5	8.71			7.25	4.75	6.25	18.25
19	260325	Nguyễn Đức Lăng	12/01/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	24.5	8.63			7.5	5	5.75	18.25
20	300914	Nguyễn Anh Vũ	07/07/2010	Nam	Thành phố Hải Phòng	Trường THCS Đà Nẵng	26.6	9.21			7	7.75	9.25	24

Danh sách gồm: 20 thí sinh, trong đó:

.....Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển;

.....Thí sinh đủ không đủ điều kiện trúng tuyển;

.....Thí sinh hồ sơ không hợp lệ, cần kiểm tra lại;

Hải Phòng, ngày 27 tháng 06 năm 2025

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Chữ ký và dấu)
Đinh Minh Tuấn